TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 24/01/2025.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn B.

2/ Bà Lê Thị Ánh S.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lan A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 772/2024/TLST–HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: Tổ 24, ấp 3, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: 507/32 đường Hùng Vương, khu phố Phước Lai, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: Tổ 24, ấp 3, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Anh D và chị T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tiếp theo tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D trình bày:

Anh và chị T xây dựng gia đình vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023, phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xung đột, tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

– Về con chung, có 02 cháu:

1/ Nguyễn Trần Tuấn Huy, sinh ngày 18/6/2013;

2/ Nguyễn Trần Tuấn Phát, sinh ngày 18/9/2018.

Nếu ly hôn, anh giao 02 cháu Nguyễn Trần Tuấn Huy, Nguyễn Trần Tuấn Phát cho chị T nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

– Về tài sản chung: Không có.

– Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và lời khai tiếp theo tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh D xây dựng gia đình vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D quan hệ tình cảm với phụ nữ khác nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Việc anh D có quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, chị không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án nên không chứng minh được. Khoảng tháng 7/2024, anh D bỏ nhà đi nơi khác sinh sống, vợ chồng ly thân đến nay. Anh D yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý, vì chị còn thương anh D.

– Về con chung, có 02 cháu:

1/ Nguyễn Trần Tuấn Huy, sinh ngày 18/6/2013;

2/ Nguyễn Trần Tuấn Phát, sinh ngày 18/9/2018.

Nếu ly hôn, chị đồng ý nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Trần Tuấn Huy, Nguyễn Trần Tuấn Phát, chị đồng ý anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

– Về tài sản chung: Không có.

– Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa. Đề nghị về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, giao 02 cháu Nguyễn Trần Tuấn Huy, Nguyễn Trần Tuấn Phát cho chị T nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

– *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn chị T có đăng ký thường trú tại ấp 3, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Anh D và chị T xây dựng gia đình vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam An nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xung đột, anh D không còn tình cảm với chị T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn chị T. Chị T không đồng ý ly hôn anh D. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bản tự khai của chị T và tại phiên tòa, chị T thừa nhận vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, xác minh tại địa phương nơi anh D và chị T chung sống và các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng anh D và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

– Về con chung, có 02 cháu:

+ Nguyễn Trần Tuấn Huy, sinh ngày 18/6/2013;

+ Nguyễn Trần Tuấn Phát, sinh ngày 18/9/2018.

Tại phiên tòa, anh D và chị T thỏa thuận, chị T nuôi dưỡng cháu Huy và cháu Phát, anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa anh D và chị T. Chị T nuôi dưỡng 02 cháu:

+ Nguyễn Trần Tuấn Huy, sinh ngày 18/6/2013;

+ Nguyễn Trần Tuấn Phát, sinh ngày 18/9/2018.

Anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

– Về tài sản chung: Không có .

– Nợ chung: Không có.

Đối với phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án, xét thấy có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh D chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016365 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh D đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39; 266, 271, 273; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 9; Điều 51, 56 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thanh D, xử cho anh D được ly hôn chị Trần Thị Thùy T.

– Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung như sau:

Chị T được quyền nuôi dưỡng 02 cháu:

+ Nguyễn Trần Tuấn Huy, sinh ngày 18/6/2013;

+ Nguyễn Trần Tuấn Phát, sinh ngày 18/9/2018.

Anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Anh D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở; Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

– Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Anh D nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016365 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh D đã nộp đủ án phí.

3/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thùy T